

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày 18-4-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HS-QĐ ngày 21/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 tại B; địa chỉ thường trú: Ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B; chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng trọ số 9, nhà trọ M, đường DB13, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961 và bà Lý Thị E, sinh năm 1963; có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

1. Ngày 08/4/2005, bị Toà án nhân dân thành phố C xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 81/2005/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2005 và án phí ngày 24/4/2006.

2. Ngày 27/5/2008, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 272/2008/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2008 và án phí ngày 20/9/2010.

3. Ngày 05/11/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 582/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010 và án phí ngày 18/8/2010.

4. Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh B xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2013/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2016 và án phí ngày 02/12/2013, đối với phần liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Trương Thị Lệ Th số tiền 1.400.000 đồng và Công ty TNHH Điện tử J số tiền 55.787.400 đồng đến nay đã hết thời hạn 05 năm nhưng bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

5. Ngày 31/12/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xử phạt 08 năm 09 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2021/HSST, án phí hình sự 200.000 đồng. Chưa đi chấp hành án.

Ngày 31/5/2021, bị bắt quả tang về hành vi: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường D16, khu công nghiệp M, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; thường trú tại: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Q. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L, địa chỉ trụ sở: Số 37/4, đường số 5, khu phố 2, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1985; trú tại: Số 20, đường D1, khu DT-TM-DV S, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L được phân công bảo vệ mục tiêu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Trong quá trình làm bảo vệ, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (sau đây gọi tắt là Công ty S) bán lấy tiền tiêu xài.

Ngày 10/01/2021, Nguyễn Văn T được phân công trực bảo vệ cùng với bà H, ca trực từ tối ngày 10/01/2021 đến sáng ngày 11/01/2021. Khoảng 17 giờ, ngày 10/01/2021, T đến Công ty S trực. Trong khi trực, T ngủ bên trong nhà bảo vệ còn bà H gác cổng.

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 11/01/2021, trong lúc đang trực thì bà H thấy đối tượng tên Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C) mặc áo khoác dài tay màu xanh, quần lửng, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm màu trắng đi vào chốt trực của bảo vệ và gọi T dậy. Đ nói với T cho Đ mấy cái chảo để chiên bánh xèo. T đồng ý rồi mặc áo khoác màu Đ, mở cổng dẫn Đ đi vào phía trong nhà kho của Công ty S, còn bà H vẫn ngồi tại chốt bảo vệ. Khi vào trong kho, T và Đ lấy trộm nhiều chảo, nồi bỏ vào bao nylon. Đến khoảng 02 giờ 10 phút cùng ngày, Đ đi ra ngoài mở cổng và đẩy xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) màu xanh chạy đến trước cổng bảo vệ, sau đó Đ đi vào bên trong Công ty S ôm bao nylon màu trắng để lên xe mô tô. Lúc này, T từ trong Công ty S đi ra ngoài, nhìn thấy bà H thì T nói: “im lặng không được nói cho ai biết” rồi ngồi lên xe của Đ điều khiển rời khỏi Công ty S. Bà H sợ bị T trả thù nên không báo cho Công ty S biết.

Đến Nam kiểm tra hàng hóa thì phát hiện bị thất thoát các tài sản sau: 36 (ba mươi sáu) bộ nồi có mã hàng H18023-T18; 27 (hai mươi bảy) bộ nồi có mã hàng H19001- T26; 25 (hai mươi lăm) bộ chảo có mã hàng H19005-J20 và 30 (ba mươi) bộ chảo có mã hàng H19005-J26. Công ty kiểm tra lại camera an ninh của Công ty S thì phát hiện T cùng 01 nam thanh niên lấy trộm tài sản của Công ty S nên làm đơn trình báo đến Đoàn Công an Khu Công nghiệp M. Vụ việc sau đó được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B để xử lý thẩm quyền.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 36 bộ nồi mã hàng H18023-T18 trị giá 3.366.000 đồng; 27 bộ nồi mã hàng H19001-T26 trị giá 1.841.400 đồng; 25 bộ chảo mã hàng H19005-J20 trị giá 1.237.500 đồng; 30 bộ chảo mã hàng H19005-J26 trị giá 2.145.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.589.900 đồng.

Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B thu được: 01 nồi. Ngày 07/2/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng, giao trả: 01 nồi hiệu H18023 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và truy tố, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L bồi thường số tiền 8.589.900 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử do đã tự thương lượng được về việc bồi thường thiệt hại với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L nên Công ty S không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L cũng không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại số tiền mà Công ty đã bồi thường cho Công ty S trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với bị cáo T sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-BC ngày 28/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-BC ngày 28/02/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 44/CT-VKSBC ngày 28/02/2022 và Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các

tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 45 phút đến 02 giờ 10 phút ngày 11/01/2021, tại kho hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S: 36 bộ nồi mã hàng H18023-T18, 27 bộ nồi mã hàng H19001-T26, 25 bộ chảo mã hàng H19005-J20, 30 bộ chảo mã hàng H19005-J26. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.589.900 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng số 44/CT-VKSBC ngày 28/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B đã truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo T người có nhân thân xấu. Năm 2005, bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố C kết án về tội: “Trộm cắp tài sản”. Năm 2008, bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ kết án về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Năm 2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ kết án về tội: “Cướp giật tài sản”. Năm 2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh B kết án về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/12/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B kết án về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Do đó, có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Về vật chứng: Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B thu được: 01 nôi hiệu H18023 tại nhà của Nguyễn Văn Đ ở ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C. Ngày 07/2/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng, giao trả: 01 nôi hiệu H18023 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Việc giao trả này là phù hợp quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và truy tố, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L bồi thường số tiền 8.589.900 đồng là tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử do đã tự thương lượng được về việc bồi thường thiệt hại với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L nên Công ty S không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền mà Công ty đã bồi thường cho Công ty S trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với bị cáo T sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, không đặt ra xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[5] Đối với bị can Nguyễn Văn Đ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Đ đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và hiện tại không xác định được bị can Đ đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Đ và ra quyết định truy nã bị can Nguyễn Văn Đ. Khi bắt được sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với hành vi không tố giác tội phạm của bà H: Nhận thấy, hành vi của bà H chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý hình sự đối với bà H. Việc không xử lý này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 của TAND thị xã B, tỉnh B. Buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, bị đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Văn Thị Thanh Trúc

